



HỆ THỐNG NGÂN HÀNG TÍN CHỈ HỌC TẬP CỦA HÀN QUỐC - CÔNG CỤ HỮU HIỆU ĐỂ THÚC ĐẨY HỌC TẬP SUỐT ĐỜI VÀ XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP

BÙI THANH XUÂN

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

1. Khái niệm ngân hàng tín chỉ học tập

Ý tưởng thành lập hệ thống ngân hàng tín chỉ học tập (Academic Credit Bank System – ACBS) xuất hiện từ năm 1995, do Ủy ban Cải cách giáo dục của Tổng thống Hàn Quốc đề xuất nhằm đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng tăng – đặc biệt là các khóa học không chính quy, các hình thức học tập suốt đời (HTSĐ) đa dạng - của người dân. ACBS là một hệ thống nhằm xác định, công nhận kết quả học tập của người học thông qua việc phê duyệt các tín chỉ học tập (đơn vị kiến thức) mà người đó tích lũy được trong quá trình tham gia một hoặc nhiều khóa học khác nhau, tại bất kì thời điểm nào. Đây là một hệ thống mở và mang tính cách tân mạnh mẽ của giáo dục Hàn Quốc, áp dụng cả cho bậc giáo dục đại học và các khóa học không chính quy, các chương trình HTSĐ cả trong và ngoài nhà trường. Khi đăng kí tham gia hệ thống, người học tích lũy đủ số tín chỉ cần thiết theo yêu cầu của ACBS sẽ được cấp loại bằng cấp tương ứng (Baik, 2009). Với chức năng và độ mở của mình, ACBS là một công cụ linh hoạt, hiệu quả trong việc thúc đẩy HTSĐ và tiến tới xây dựng xã hội học tập (XHHT) của Hàn Quốc.

2. Cách thức xây dựng và hoạt động của hệ thống ngân hàng tín chỉ học tập

2.1. Các bước để đạt được bằng cấp theo hệ thống ngân hàng tín chỉ học tập

Người học khi đăng kí tham gia hệ thống ACBS và muốn được cấp một loại văn bằng nhất định sẽ phải trải qua 3 bước tuần tự, gồm: bước 1: tích lũy số tín chỉ cần thiết (trong hoặc ngoài nhà trường); bước 2: được công nhận/ phê duyệt các tín chỉ đã có; bước 3: cấp bằng.

Thông thường, để được cấp một loại văn bằng nào đó, người học phải đáp ứng được các yêu cầu cụ thể tương ứng với từng loại văn bằng. Ví dụ: người học muốn có bằng cử nhân phải tích lũy đủ 140 tín chỉ hoặc hơn; đối với bằng cao đẳng 2 năm phải đạt 80 tín chỉ trở lên. Để tích lũy số tín chỉ cần thiết theo yêu cầu của ACBS, người học có thể đăng kí tham gia và hoàn thành các chương trình giáo dục, đào tạo tại những cơ sở giáo dục (CSGD) trong hoặc ngoài nhà trường đã được ACBS kiểm định. Đó có thể là

các khóa học bán thời gian ở trường cao đẳng, đại học, trường nghề, các khóa học ngắn hạn/trung hạn được cấp chứng chỉ, các khóa học để thi lấy bằng cử nhân hoặc tương đương cho những người tự học.

2.2. Quy trình kiểm định các cơ sở giáo dục đạt yêu cầu của ngân hàng tín chỉ học tập

Các CSGD muốn tham gia ACBS phải được kiểm định theo các tiêu chí cụ thể. Kiểm định ở đây là việc đánh giá chính thức của một cơ quan có thẩm quyền đối với các CSGD về chương trình, môn học họ cung cấp nhằm xác định xem chất lượng, nội dung những chương trình, khóa học đó có tương đương với các học kì tín chỉ thực hiện trong các trường đại học và cao đẳng hay không.

Những loại hình CSGD sau đây có thể được kiểm định bởi hệ thống ACBS: CSGD suốt đời hoặc CSGD tư nhân; các CSGD và đào tạo nghề; các trung tâm giáo dục suốt đời thuộc trường cao đẳng hoặc đại học; các trường kĩ thuật cao cấp hoặc một số khoa nhất định trong các trường chuyên biệt; các CSGD thường xuyên hoặc đào tạo nghề nghiệp khác...

Khi các chương trình hay khóa học nào đó được phê duyệt và xác nhận rằng nó bảo đảm chất lượng tương đương với các chương trình tương ứng của cao đẳng hay đại học, các chương trình/ khóa học đó của CSGD được kiểm định sẽ được tính như những tín chỉ chính thức.

Quy trình kiểm định các chương trình giáo dục theo hệ thống ACBS được tiến hành 2 lần/năm. CSGD nào muốn được kiểm định phải trả lệ phí quá trình kiểm định cho cơ quan tiến hành kiểm định. Thời gian đầu, Viện Phát triển Giáo dục Hàn Quốc (KEDI) là cơ quan chịu trách nhiệm chủ đạo về kiểm định và công nhận tín chỉ. Để thực hiện quy trình kiểm định, KEDI có một ủy ban riêng phụ trách vấn đề này – gọi là Ủy ban Kiểm định Tín chỉ học tập. Ủy ban này khoảng 15 thành viên là các chuyên gia môn học/ lĩnh vực học tập, chuyên gia trong các ngành nghề, nhà nghiên cứu, người đứng đầu các tổ chức/ nhóm xã hội đa dạng... Các thành viên của Ủy ban sẽ kiểm tra, thẩm định những tín chỉ mà người học tích lũy được; đồng thời, quan sát, theo dõi quá trình và các hoạt động học tập thực tế của người học. KEDI cũng

tham gia tư vấn, cung cấp các dịch vụ trực tuyến, tài liệu... cho người học và CSGD có nhu cầu. (Sau này, khi Viện Giáo dục suốt đời quốc gia – NILE – được thành lập năm 2008, các chức năng quản lí, vận hành ACBS được chuyển giao cho viện NILE).

2.3. Khung chương trình chuẩn hóa thực hiện trên phạm vi toàn quốc

Khung chương trình chuẩn hóa là một kế hoạch giáo dục và học tập toàn diện, tổng thể, được lập cho từng môn học hoặc lĩnh vực học tập cụ thể, trong đó nêu rõ: các mục tiêu cụ thể của giáo dục; các yêu cầu về tốt nghiệp và bằng cấp; các môn học và số tín chỉ cần thiết cho các khóa học thông thường, khóa học trọng tâm, và khóa học tự chọn; đánh giá và quản lí chất lượng. Khung chương trình được điều chỉnh 2 lần/năm, để đáp ứng với các thay đổi về xã hội, nội dung học thuật, sự phát triển của khoa học – công nghệ, cũng như yêu cầu của giáo viên và học sinh.

Bên cạnh khung chương trình chuẩn hóa, mỗi khóa học còn cần có đề cương khóa học chuẩn hóa mô tả các nội dung cần được giảng dạy trong một lĩnh vực môn học/chủ đề cụ thể. Theo yêu cầu của ACBS, một người học cần phải hoàn thành tối thiểu là 70% khóa học như đã quy định trong đề cương chuẩn hóa. Đề cương khóa học được ban hành đồng thời cùng với khung chương trình giáo dục chuẩn hóa.

2.4. Phê duyệt (công nhận) tín chỉ và cấp bằng

Khi người học tích lũy đủ các tín chỉ theo yêu cầu của ACBS từ những nguồn khác nhau, họ sẽ phải nộp đơn lên KEDI và đăng kí cho các tín chỉ đó (để tín chỉ được KEDI chính thức công nhận); đồng thời, tiến hành các bước tiếp theo cần thiết để được cấp loại văn bằng tương ứng. Bất cứ người học nào đã có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trình độ tương đương đều có thể nộp đơn đăng kí công nhận tín chỉ bằng cách cung cấp đầy đủ thông tin yêu cầu trong mẫu đơn dành cho người học, và mẫu đơn xin công nhận tín chỉ.

Sau khi hoàn thành số tín chỉ cần thiết theo yêu cầu của từng loại bằng cấp – 140 tín chỉ cho bằng cử nhân, 80 tín chỉ cho bằng cao đẳng 2 năm, và 120 tín chỉ cho bằng cao đẳng 3 năm – người học nộp mẫu đơn xin cấp bằng lên Viện KEDI hoặc Sở giáo dục các tỉnh. Các đơn này sẽ được Ủy ban Giám sát kiểm định của KEDI xem xét tính hợp lệ, sau đó được gửi tiếp lên Bộ Giáo dục - Khoa học Công nghệ để phê duyệt lần cuối. Người học có thể lấy bằng từ Bộ Giáo dục – Khoa học Công nghệ hoặc nhận trực tiếp tại trường đại học, cao đẳng. Trong trường hợp lấy bằng tại trường, ứng viên phải đáp ứng những yêu cầu cụ thể về văn bằng của trường đó (UNESCO, 2012).

2.5. Các cơ quan quản lí, giám sát việc thực hiện ngân hàng tín chỉ

Bộ Giáo dục, Khoa học và Công nghệ Hàn Quốc (MEST) chịu trách nhiệm quản lí nhà nước ở cấp cao nhất đối với ACBS. Trách nhiệm cụ thể được giao cho những đơn vị chính là Vụ Chính sách Giáo dục suốt đời thuộc MEST, các Sở giáo dục của tỉnh, và Viện Giáo dục suốt đời (NILE). Viện KEDI là cơ quan trung ương chịu trách nhiệm chủ đạo về các vấn đề kiểm định, công nhận tín chỉ ACBS, đánh giá và phê chuẩn các yêu cầu về bằng cấp, đánh giá lại các chương trình giáo dục, quản lí hệ thống dịch vụ thông tin ngân hàng tín chỉ. Từ khi thành lập (năm 2008) đến nay, Viện NILE được giao nhiệm vụ vận hành cũng như giám sát chung về quá trình triển khai ACBS trên toàn quốc.

Ở cấp địa phương, Sở giáo dục các tỉnh – với chức năng là những trung tâm thông tin về ACBS tại địa phương – có nhiệm vụ thu thập và chuyển đơn đăng kí, các đơn xin phê duyệt tín chỉ của người học tới KEDI; đồng thời, cung cấp các thông tin cần thiết và tư vấn cho người học (UNESCO, 2012).

2.6. Một số thành tựu chính của việc triển khai ngân hàng tín chỉ học tập

Về định lượng: Từ khi chính thức triển khai ACBS, số lượng người học đăng kí, số văn bằng đã cấp và số các CSGD được ACBS kiểm định đều tăng đáng kể. Cụ thể:

- **Số người học đăng kí:** Với hai loại bằng cao đẳng 2 năm và bằng cử nhân, số lượng người học đăng kí đã tăng từ 9.914 và 1.575 (1999) lên 27.006 và 56.163 (2008). Tổng số người học đăng kí của cả hai loại bằng cấp này năm 2008 là 83.169, tức là tăng gần 8 lần so với năm 1999 (chỉ có 11.489 người).

- **Số lượng văn bằng đã cấp:** Tính với hai loại văn bằng như đã nêu trên, số lượng văn bằng được cấp đã tăng một cách ngoạn mục từ 34 năm 1999 lên tới 19.696 năm 2008, và tổng số cả hai loại văn bằng đã cấp trong cả khoảng thời gian 10 năm là 100.699.

- **Số lượng các CSGD được ACBS kiểm định:** Từ con số khiêm tốn là 179 cơ sở năm 1998, 10 năm sau số lượng đã tăng gần gấp 3 lần (495), và đến 2012 là 527 CSGD.

Theo dữ liệu gần đây nhất của Viện NILE, tính đến năm 2012, đã có 694.133 người học tham gia ACBS, và 311.468 người học được cấp bằng (NILE, 2012 – trích dẫn trong Jo, 2012).

- **Về định tính:** Xét về mặt định tính, việc triển khai hệ thống ACBS đã tạo ra những tác động và hiệu quả tích cực đối với người học, với các CSGD, và với toàn xã hội.

Đối với người học: Hệ thống ACBS góp phần quan trọng trong việc bảo đảm quyền lợi và sự bình



đăng của mọi người học; họ được tiếp cận các cơ hội học tập thông qua các cách thức, loại hình, phương pháp và phương tiện học tập đa dạng. Điều này đặc biệt có ý nghĩa đối với nhóm đối tượng là những người học lớn tuổi, người đang đi làm hoặc có nhu cầu học thêm để chuyển đổi nghề nghiệp, chuyển nơi làm việc tùy theo nhu cầu, nguyện vọng cá nhân, và giúp họ đạt được loại văn bằng tương ứng với những điều kiện về thời gian, phương thức linh hoạt hơn so với các chương trình học tập tương đương của giáo dục chính quy.

Đối với các CSGD: Quá trình quản lí, vận hành và giám sát hệ thống ACBS đòi hỏi có sự kết hợp, liên thông giữa các CSGD khác nhau, giữa giáo dục chính quy và không chính quy. Điều này giúp xây dựng được mối quan hệ hữu cơ của quá trình hợp tác và tăng cường mối quan hệ cũng như sự liên kết chặt chẽ hơn giữa các CSGD khác nhau cả trong lẫn ngoài nhà trường, giảm dần khoảng cách và sự “phân biệt đối xử” giữa giáo dục chính quy với không chính quy. Việc vận hành hệ thống ACBS cũng góp phần tăng cường sự phân cấp, tăng tính tự chủ cho CSGD, khi họ phải tự chịu trách nhiệm về chương trình giáo dục và các khóa học của mình sau khi đã được kiểm định. Bên cạnh đó, do khi tham gia ACBS các CSGD bắt buộc trải qua quá trình kiểm định chương trình giáo dục chuẩn hóa, nên yếu tố này tạo động lực tích cực để các cơ sở tự hoàn thiện, nâng cao năng lực của chính mình.

Đối với xã hội: Cách tiếp cận của ACBS, trong đó, coi trọng những nỗ lực của người học và giá trị thực sự của việc học tập đã góp phần không nhỏ thúc đẩy sự biến đổi tích cực trong nhận thức xã hội, từ chỗ chỉ chú trọng đến trình độ học vấn và hình thức của bằng cấp chuyển sang một xã hội coi trọng năng lực của người học và tìm kiếm cách thức cụ thể, hiệu lực để những năng lực thực sự đó cũng như quá trình trau dồi kiến thức của người học/người lao động được chính thức ghi nhận. Đồng thời, ACBS tạo thêm động cơ học tập thường xuyên, suốt đời cho các công dân, khuyến khích mọi người dân thường xuyên bổ sung, cập nhật tri thức và kĩ năng để tự làm mới mình, làm việc tốt hơn và đóng góp hiệu quả hơn cho xã hội, tiến tới hình thành một XHHT thực sự.

3. Vai trò của ngân hàng tín chỉ học tập trong việc thúc đẩy học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập

Như đã đề cập, ACBS là một hệ thống công nhận kết quả học tập có độ mở và tính linh hoạt cao, khả năng chuyển đổi mềm dẻo. Đây cũng chính là một trong những điểm đặc trưng nổi bật nhất của hệ

thống ACBS, làm cho nó khác biệt về cơ bản so với hệ thống giáo dục chính quy. Việc tồn tại song song hai hệ thống này giúp bổ sung, hoàn thiện chức năng của nền giáo dục quốc dân, cung cấp cho mọi công dân các cơ hội học tập phong phú và bình đẳng.

Triển khai hệ thống ACBS đem lại lợi ích thiết thực trong việc xác định và công nhận kết quả học tập cho nhiều đối tượng người học đa dạng, như: học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông nhưng không có điều kiện vào học ở các CSGD sau trung học; những sinh viên chưa hoàn thành cao đẳng hoặc đại học; người lao động đã có chứng chỉ chuyên môn về một lĩnh vực nào đó nhưng chưa có bằng đại học...

Như vậy, việc được cấp những văn bằng có giá trị công nhận chính thức không còn là đặc quyền của những ai theo học các chương trình chính quy trong nhà trường, mà đã được mở rộng ra nhiều đối tượng đa dạng; tạo cơ hội và thúc đẩy động lực học tập thường xuyên, liên tục của người dân. Điều này rất có ý nghĩa đối với người học, đặc biệt trong bối cảnh văn hóa Hàn Quốc, nơi trình độ học vấn lâu nay vẫn thường được đánh giá qua bằng cấp - dù không phải là một bảo đảm tuyệt đối - song vẫn đóng một vai trò khá quan trọng đối với các cơ hội việc làm và thăng tiến trong công tác.

Việc công nhận tín chỉ và ghi nhận các hình thức học tập bằng những loại văn bằng tương ứng của ACBS có tác dụng to lớn trong việc khích lệ các cá nhân tham gia học tập để nâng cao kĩ năng, kiến thức, phát triển bản thân và nghề nghiệp.

Hệ thống ACBS tạo ra những tác động tích cực không chỉ tới ngành giáo dục, mà còn tới nhận thức chung của toàn xã hội về giá trị thực sự của việc học tập: không chỉ nằm ở trình độ hay loại hình bằng cấp (học theo hệ chính quy, học trong những CSGD danh tiếng) mà còn ở năng lực (có thể tự học để sở hữu những tri thức, kĩ năng cần thiết cho công việc, cuộc sống), và những năng lực này của người học vẫn được các cấp thẩm quyền xác nhận một cách chính thức thông qua ACBS.

Mặt khác, với cơ chế tích lũy tín chỉ bất kể thời gian học xong là khi nào, ACBS không chỉ giúp cung cấp nhiều hơn các cơ hội học tập liên tục, nâng cao, cập nhật kiến thức kĩ năng cho người học, mà còn tạo điều kiện để họ dễ dàng chuyển đổi, liên thông các khóa học, bậc học của mình theo nhu cầu và khả năng cá nhân. Điều này cho thấy, ACBS có khả năng bao quát và chấp nhận các hình thức HTSD đa dạng, phong phú trong xã hội, của nhiều nhóm đối tượng; đồng thời, cũng khẳng định về giá trị, tầm quan trọng của các hình thức học tập phi truyền thống so

với việc đi học thông thường trong các nhà trường chính quy. Nói cách khác, ACBS chính là một công cụ hữu hiệu và khả thi giúp hiện thực hóa ý tưởng HTSD và xây dựng một XHHT của Hàn Quốc, bởi nó tạo cơ hội và điều kiện thuận lợi cho bất cứ ai có nhu cầu có thể đạt được loại văn bằng mà mình mong muốn thông qua việc tự học hoặc tham gia các hình thức học tập không chính quy đa dạng khác (Choi, 2007). Đồng thời, ACBS góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy sự tham gia chủ động, tích cực của các tầng lớp nhân dân vào hoạt động HTSD; nó là một minh chứng đầy sức thuyết phục cho thấy việc thay đổi cơ chế, cách thức quản lí của nhà nước có thể tác động mạnh mẽ đến tỉ lệ tham gia vào HTSD và các cơ hội học tập của người dân như thế nào. Điều này có ý nghĩa quan trọng đối với các nhà quản lí và nhà hoạch định chính sách giáo dục trong việc tìm kiếm những cách thức hiệu quả để hiện thực hóa ý tưởng XHHT.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Baik, E.S, *Recognition and Validation of Non-formal Learning in Korea*, Website: www.unesco.org/.../confinteavi_ws3-1_recognition, 2009.
2. Choi, S., *OECD Thematic Review on Recognition of Nonformal and Informal Learning*, Country Background Report for Korea, Korean Educational Development Institute, 2007.

3. Jo, S., *The Case Study on Building a Learning Society in Korea*, Hamburg: UIL, 2012.
4. UIL (Viện Học tập suốt đời UNESCO), *Báo cáo tổng hợp về xây dựng xã hội học tập ở Nhật Bản, Hàn Quốc và Singapore*, Viện Học tập suốt đời của UNESCO, Hamburg: UIL, 2012.
5. UNESCO, *The Credit Bank System: An Innovative Approach to Adult Lifelong Learning in Korea*, Website: www2.unescobkk.org/elib/publications/.../p92-105.pdf – (16/1/2012), 2012.

SUMMARY

Academic Credit Bank System(ACBS) is a system intended to define and recognize learning outcomes of learners through approving learning credits (unit of knowledge) accumulated through participating one or several different learning courses at any point in time. This is an open and strongly renovated system of South Korea. The article has presented some issues regarding how ACBS has been developed and operated; and emphasized the role of ACBS in promoting lifelong learning and building a learning society. The author has confirmed that ACBS is an effective and feasible tool to help realize the idea of lifelong and building a learning society of South Korea as it provides various enabling conditions and opportunities for anybody who wants, and is able, to obtain the certain type of degree through self-learning or engaging in other diverse forms of non-formal learning.

CƠ SỞ TÂM LÝ HỌC VÀ GIÁO DỤC HỌC ... (Tiếp theo trang 12)

4/ *Đánh giá/phê phán/Sáng tạo trong quá trình giải quyết các tình huống thực tiễn.*
 Khung chuẩn này chủ yếu quy định các cấp độ của năng lực, phân biệt nhau về chất lượng. Cả 4 bậc mới phản ánh sự linh hoạt và phát triển năng lực toàn vẹn và đầy đủ, hoặc nhận thức bản chất đầy đủ.

5. OECD, *Definition and Selection of Competencies: Theoretical and Conceptual Foundation*, 2002.
6. Rychen, D.S. and A. Tiana, *Developing Key Competencies in Education: Some Lessons from International and National Experience*, 2004.

SUMMARY

From a psychological, sociological and pedagogical perspective, the article has discussed three main issues, i.e. Conceptions of competencies; Basis for defining the framework of key competencies required of Vietnamese students of general education; different levels of competency development among students of general education. This is the initial guiding basis for implementation of the subsequent phases in the process of Building and Developing General Education Curriculum after 2015.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ GD&ĐT - NXB Giáo dục, *Chương trình giáo dục phổ thông*, 2006.
2. Bloom D (Ed), *Taxonomy of Educational Objectives*, Longman, 1956.
3. Bowden JA, *Competency-based education: Neither a panacea nor a pariah*, 1995.
4. Phạm Minh Hạc (chủ biên), *Phát triển văn hoá con người và nguồn nhân lực thời kì CNH – HĐH đất nước*, Chương trình KHCN cấp Nhà nước- NXB Chính trị Quốc gia, 2007.